

Bản án số: 308/2020/HS-ST

Ngày: 23/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 241/2020/TLST-HSST ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: : **Nguyễn Tấn L**, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 1982, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: số 0, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch : Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Con ông Nguyễn L, sinh năm 1945 và bà Võ Thị H, sinh năm 1945. Gia đình bị cáo có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ 4.

Có vợ là Từ Thị Thùy L1, sinh năm 1985 và có 02 con, sinh năm 2011 và sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 18/5/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2019 (theo Bản án số 239/2020/HSST ngày 18/5/2020). Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam T17-C01 của Bộ Công an. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thuế khu vực Biên Hòa – Vĩnh Cửu;

Địa chỉ: số 244, CMT8, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Khắc Tr (*Theo Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật Chi cục Thuế khu vực Biên Hòa – Vĩnh Cửu số 3916/CCTKV-HCNSTVQTAC ngày 08/6/2020*); Có mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty TNHH Phú Gia L;

Địa chỉ: số 12/3, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982. Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc (là bị cáo trong vụ án); Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Từ Thị Thùy L1, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: số 12/3, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; *Vắng mặt.*

2. Ông Đinh Ngọc Ph, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số 67 Tô Hiến Thành, khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; *Vắng mặt.*

3. Ông Lê Công D, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ 21B, ấp Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; *Vắng mặt.*

4. Ông Nguyễn Tấn L2, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: số 48/26, Nguyễn Khuyến, tổ 6, khu phố 5A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Phú Gia L được thành lập và có Giấy đăng ký kinh doanh số 3602127866, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/8/2014; địa chỉ trụ sở chính: 12/3, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty Phú Gia L), do Nguyễn Tấn L làm Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty Phú Gia L, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty Phú Gia L đăng ký kinh doanh nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực xây dựng. Trong khoảng thời gian hoạt động từ năm 2012 đến năm 2019, Công ty TNHH Phú Gia L đã ký hợp đồng xây dựng với Ủy ban nhân dân xã X và Thị trấn Gi, huyện X; Ủy ban nhân dân xã Xuân Q, huyện C và Ban quản lý dự án huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để thi công 20 công trình làm đường, nâng cấp và sửa chữa trụ

sở,...Tuy nhiên, sau khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào sử dụng, Công ty Phú Gia L đã không xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) để kê khai, báo cáo thuế hoặc có xuất hóa đơn GTGT nhưng ghi giá trị trên hóa đơn thấp hơn giá trị thực tế của công trình để kê khai, báo cáo thuế, gây thiệt hại về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cho Ngân sách Nhà nước thì bị kiểm tra, phát hiện, điều tra xử lý, cụ thể:

*** Thi công 11 công trình tại xã Xuân T, huyện X gồm:**

1. Công trình thi công Đường ngang nhánh 10, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 03/11/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 442.275.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 29/01/2015 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 55 ngày 04/6/2013 có trị giá hàng hóa là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

2. Công trình thi công Đường số 4, tổ 5, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 07/11/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 182.317.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu, ba trăm mười bảy nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 29/01/2015 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 58 ngày 07/6/2013 có trị giá hàng hóa là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), để kê khai, báo cáo thuế;

3. Công trình thi công Đường số 3, tổ 5, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 27/12/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 164.265.075 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 29/01/2015, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

4. Công trình thi công Đường số 2, tổ 4-9, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 29/11/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 335.127.000 đồng (*Ba trăm ba mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 29/01/2015 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 57 ngày 06/6/2013 có trị giá hàng hóa là 159.050.000 đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

5. Công trình thi công Đường số 10, tổ 13, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 25/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 154.450.000 đồng (*Một trăm năm mươi tư triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 26/11/2012 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 51 ngày 30/5/2013 có trị giá hàng hóa là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

6. Công trình thi công Đường số 6 (nhánh 1 và 2), ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 26/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 145.492.299 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm chín chín đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 18/12/2012, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

7. Công trình thi công Đường số 5, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 28/8/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 1.619.375.170 đồng (*Một tỷ, sáu trăm mười chín triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 20/11/2012 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 49 ngày 25/5/2013 có trị giá hàng hóa là 1.522.700.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

8. Công trình thi công Đường ngang số 10, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 15/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 151.860.000 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 29/11/2012 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 50 ngày 28/5/2013 có trị giá hàng hóa là 74.000.000 đồng (*Bảy mươi tư triệu đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

9. Công trình thi công Đường số 7, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 25/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 314.679.000 đồng (*Ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 14/12/2012 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 54 ngày 03/6/2013 có trị giá hàng hóa là 141.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

10. Công trình thi công Đường số 10 (nhánh 3 và 4), ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 25/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 351.858.000 đồng (*Ba trăm năm mươi một triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 20/5/2013 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 53 ngày 01/6/2013 có trị giá hàng hóa là 156.900.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

11. Công trình thi công Đường hẻm số 8/1, ấp 4: Ký hợp đồng thi công ngày 27/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 173.894.673 đồng (*Một trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy ba đồng*), được nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 15/12/2012 nhưng Công ty Phú Gia L chỉ xuất 01 hóa đơn GTGT số 52 ngày 31/5/2013 có trị giá hàng hóa là 78.000.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu đồng*), để kê khai báo cáo thuế;

*** Thi công 05 công trình tại Thị trấn Gi , huyện X gồm:**

1. Công trình thi công Đường Tổ 4, tuyến 2, khu 2: Ký hợp đồng thi công ngày 02/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 230.118.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu, một trăm mười tám nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 10/12/2012, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

2. Công trình thi công Đường Tổ 4, tuyến 1, khu 2: Ký hợp đồng thi công ngày 02/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 196.238.955 đồng (*Một trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm năm lăm đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 11/12/2012, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế.

3. Công trình thi công Đường Tổ 6, khu 2: Ký hợp đồng thi công ngày 16/10/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 145.120.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 07/01/2013, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

4. Công trình thi công Đường Trương Công Định: Ký hợp đồng thi công ngày 12/12/2012; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 3.390.467.000 đồng (*Ba tỷ, ba trăm chín mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 09/10/2014, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

5. Công trình thi công Đường số 4, khu 2: Ký hợp đồng thi công ngày 24/01/2013; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 1.015.426.000 đồng (*Một tỷ, không trăm mười lăm triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 29/01/2015, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

*** Thi công 03 công trình tại huyện Đ gồm:**

1. Công trình thi công nâng cấp Trường tiểu học L thuộc xã Th: Ký hợp đồng thi công ngày 06/12/2017; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 3.887.453.000 đồng (*Ba tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 07/6/2018, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

2. Công trình thi công nâng cấp Trường mầm non H (giai đoạn 2) thuộc xã T: Ký hợp đồng thi công ngày 24/5/2018; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 3.857.356.000 đồng (*Ba tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 19/12/2018, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

3. Công trình thi công sửa chữa, nâng cấp trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đ: Ký hợp đồng thi công ngày 19/10/2018; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 948.630.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 10/01/2019, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế;

*** Thi công 01 công trình Đường ấp Suối Râm, xã Xuân Q, huyện C:** Ký hợp đồng thi công ngày 03/7/2015; giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là 2.336.867.000 đồng (*Hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình ngày 08/10/2015, Công ty Phú Gia L không xuất hóa đơn GTGT để kê khai, báo cáo thuế.

Tại các bản Kết luận giám định tư pháp số 7687/KL-CT ngày 08/10/2019, số 244/KL-CT ngày 20/01/2020 và số 245/KL-CT ngày 20/01/2020, của Cục thuế tỉnh Đồng Nai kết luận: Công ty TNHH Phú Gia L đã có hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ đối với 11 công trình và ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán đối với 09 công trình, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền thuế

GTGT là 1.382.370.359 đồng (*Một tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm chín đồng*) và tổng số tiền thuế TNDN là 3.506.320.667 đồng (*Ba tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng*).

* Vật chứng của vụ án gồm:

- Bản sao 09 tờ Hóa đơn GTGT do Công ty TNHH Phú Gia L xuất gồm: số 49 ngày 25/5/2013, số 50 ngày 28/5/2013, số 51 ngày 30/5/2013, số 52 ngày 31/5/2013, số 53 ngày 01/6/2013, số 54 ngày 03/6/2013, số 55 ngày 04/6/2013, số 57 ngày 06/6/2013 và số 58 ngày 07/6/2013;

- Số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) do ông Nguyễn Tấn L2, sinh năm 1975; cư trú tại: số 48/26 Nguyễn Khuyến, tổ 6, khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (là anh ruột của bị cáo L), tự nguyện giao nộp đủ số tiền trên. Hiện số tiền trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hòa.

Tại cáo trạng số 256/CT-VKSBH ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định sửa đổi cáo trạng số 4391/QĐ-VKSBH ngày 27/5/2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Tấn L, về tội “Trốn thuế”, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Trốn thuế”, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng.

- Về dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Chi cục Thuế khu vực Biên Hòa – Vĩnh Cửu, yêu cầu Công ty TNHH Phú Gia L phải khắc phục thiệt hại về thuế cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự trình bày: Đồng ý với sự tự nguyện của ông Nguyễn Tấn L2 thay cho bị cáo Lương (bị cáo đồng thời cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty), đã nộp thay cho Công ty TNHH Phú Gia L đủ số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) khắc phục hậu quả việc trốn thuế để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tác động và khắc phục thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tham gia, đóng góp ủng hộ các quỹ từ thiện vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa

của địa phương, đã được Cơ quan Đảng - Chính quyền huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tặng “Bảng vàng tri ân”, bị cáo đang bị bệnh thoái hóa cột sống, nên cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội “trốn thuế”, về mức hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH Phú Gia L phải nộp tổng số tiền trốn thuế 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) vào ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả theo quy định pháp luật, được căn trừ vào số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) do ông Nguyễn Tấn L2 (là anh ruột của bị cáo) đã giao nộp thay vào ngày 17/4/2020 và ngày 10/6/2020.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn L không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho các bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[1.2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Từ Thị Thùy L1 đã có đơn xin vắng mặt; ông Đinh Ngọc Ph và ông Lê Công D mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của bà L1, ông Ph, ông D tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các Kết luận giám định tư pháp của Cục thuế tỉnh Đồng Nai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2019, Công ty TNHH Phú Gia L (sau đây gọi tắt là Công ty Phú Gia L); địa chỉ trụ sở chính tại: số 12/3, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, do Nguyễn Tấn L làm Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty, đã ký hợp đồng và thi công 20 công trình làm đường, nâng cấp và sửa chữa trụ sở trên địa bàn xã X và Thị trấn Gi, huyện X; xã Xuân Q, huyện C và huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Các công trình nêu trên sau khi được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, bị cáo Nguyễn Tấn L đã không xuất hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Phú Gia L để kê khai, báo cáo thuế đối với 11 công trình, đối với 09 công trình còn lại Nguyễn Tấn L xuất hóa đơn nhưng ghi giá trị trên hóa đơn thấp hơn giá trị quyết toán thực tế, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền thuế GTGT là 1.382.370.359 đồng (*Một tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm chín đồng*) và tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 3.506.320.667 đồng (*Ba tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng*) thì bị phát hiện, khởi tố điều tra xử lý.

Tổng số tiền Nguyễn Tấn L trốn thuế là 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín mốt nghìn, không trăm hai sáu đồng*).

Xét thấy, hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán của bị cáo như đã nêu trên đã vi phạm Điều 14 Luật Thuế GTGT; Điều 7 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Điều 7 Luật Quản lý thuế. Căn cứ khoản 3 Điều 108 Luật Quản lý Thuế, xác định hành vi trên của bị cáo Lương thuộc hành vi trốn thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo thực hiện hành vi trốn thuế với lỗi cố ý, hậu quả của hành vi trốn thuế mà bị cáo thực hiện đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín mốt nghìn, không trăm hai sáu đồng*), nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Xét thấy, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế; gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, làm giảm

hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Bản thân bị cáo mặc dù thấy được hậu quả của việc trốn thuế, nhận thức được sự nghiêm khắc của pháp luật khi phát hiện có hành vi trốn thuế, tuy nhiên vì mục đích lợi nhuận mà bị cáo đã cố ý không xuất hóa đơn giá trị gia tăng hoặc ghi giá trị trên hóa đơn giá trị gia tăng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài ra, xét thấy cần thiết phải có hình phạt bổ sung bằng tiền áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự, với mức phạt phù hợp để sung vào ngân sách nhà nước, nhằm đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để khắc phục thiệt hại và đã nộp đủ toàn bộ số tiền trốn thuế cho Ngân sách Nhà nước; bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia, đóng góp ủng hộ các quỹ từ thiện vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, đã được Cơ quan Đảng - Chính quyền huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tặng “Bảng vàng tri ân”, bị cáo đang phải điều trị thoái hóa cột sống, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Xét thấy, ngày 18/5/2020 bị cáo Nguyễn Tấn L, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2019 (theo Bản án số 239/2020/HSST ngày 18/5/2020). Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án trên để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy, Công ty Phú Gia L được hưởng lợi từ việc phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đối với số tiền trốn thuế 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) cần buộc Công ty Phú Gia L có nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước qua Chi cục thuế khu vực Biên Hòa – Vĩnh Cửu. Toàn bộ số tiền trên đã được anh ruột của bị cáo là ông Nguyễn Tấn L2, tự nguyện giao nộp đủ để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Nguyễn Tấn L (Hiện số tiền 4.888.691.026 đồng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu tiền số 09913 ngày 17/4/2020 và biên lai thu tiền số 09940 ngày 10/6/2010).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn L2 cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo L và Công ty Phú Gia L về số tiền ông L2 đã tự nguyện giao nộp, nên ghi nhận sự tự nguyện của ông L2. Trường hợp sau này nếu các bên có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đối với bản sao 09 tờ Hóa đơn GTGT do Công ty TNHH Phú Gia L xuất gồm: số 49 ngày 25/5/2013, số 50 ngày 28/5/2013, số 51 ngày 30/5/2013, số 52 ngày 31/5/2013, số 53 ngày 01/6/2013, số 54 ngày 03/6/2013, số 55 ngày 04/6/2013, số 57 ngày 06/6/2013 và số 58 ngày 07/6/2013. Xét thấy, đây là các tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và toàn bộ tài liệu này đã được lưu hồ sơ vụ án, nên không xem xét xử lý.

- Đối với số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) do ông Nguyễn Tấn L2 (là anh ruột của bị cáo Lương), tự nguyện giao nộp thay cho bị cáo Lương để khắc phục hậu quả, theo biên lai thu tiền số 09913 ngày 17/4/2020 và biên lai thu tiền số 09940 ngày 10/6/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, cần tiếp tục được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về các nội dung khác:

- Đối với bà Từ Thị Thùy L1 (vợ của bị cáo L) là thành viên của Công ty Phú Gia L, nhưng không tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty và bà L1 không biết hành vi “Trốn thuế” của bị cáo Lương nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với ông Lê Công D là Kế toán được Công ty TNHH Phú Gia L thuê quyết toán báo cáo thuế và có giúp cho bị cáo Lương lập một số hóa đơn GTGT do bị cáo Lương nhờ làm. Bản thân ông D không biết được giá trị thực tế của các công trình và không biết được hành vi trốn thuế của Công ty TNHH Phú Gia L nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với Công ty TNHH Xây dựng Đông Nhật H do ông Đinh Ngọc Ph làm Giám đốc, có liên doanh với Công ty Phú Gia L ký hợp đồng để thi công 02 công trình: Đường Trương Công Định và Đường số 4, khu 2, thị trấn Gi , huyện X, tỉnh Đồng Nai, nhưng việc ký kết trên để thể hiện đủ năng lực thi công, thực tế Công ty TNHH Xây dựng Đông Nhật H không tham gia thi công và quyết toán các công trình trên, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với các đơn vị chủ đầu tư đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Phú Gia L có liên quan đến các công trình Công ty TNHH Phú Gia L trốn thuế nêu trên, Cơ quan điều tra cần tiếp tục xác minh, nếu có vi phạm sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tấn L** phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn L 03 (Ba) năm tù**, tổng hợp hình phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 239/2020/HSST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **07 (Bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tấn L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Gia L phải nộp số tiền thuế 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) vào Ngân sách nhà nước qua Chi cục thuế khu vực Biên Hòa – Vĩnh Cửu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*) do bị cáo Nguyễn Tấn L đã nộp thay Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Gia L, thông qua ông Nguyễn Tấn L2 (anh ruột của bị cáo Lương) đã tự nguyện giao nộp đủ số tiền trên (*Theo biên lai thu tiền số 09913 ngày 17/4/2020 và biên lai thu tiền số 09940 ngày 10/6/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa*).

4. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.888.691.026 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín một nghìn, không trăm hai sáu đồng*), theo biên lai thu tiền số 09913 ngày 17/4/2020 và biên lai thu tiền số 09940 ngày 10/6/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, ông L2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L1, ông Ph, ông D vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Về việc thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam T17-C01 BCA;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Trần Văn Hùng